

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /QĐ-SKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2300/NQ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-SKHCN ngày 31/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 đối với các đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 của Sở Du lịch và Sở Khoa học và Công nghệ.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ: Mua sắm bản quyền thiết bị tường lửa của các cơ quan trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh An Giang; Xây dựng khung kiến trúc dữ liệu tỉnh An Giang năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ với số tiền là: **14.428.041.560 đồng** (Mười bốn tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng) (*Chi tiết phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ kinh phí phân bổ tại Điều 1, Văn phòng Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tham mưu Giám đốc Sở tổ chức quản lý, sử dụng, tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...; thanh toán theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu và pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 321/QĐ-SKHCN ngày 13/7/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang

về việc phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XX;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.KHTC.

GIÁM ĐỐC

Võ Minh Trung

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG
CHƯƠNG: 417

Mẫu biểu số 47

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn Vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã QHNS: 1039743

Mã KBNN nơi giao dịch: 0811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCHN ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang)

		<i>ĐVT: đồng</i>
STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu dịch vụ khác	-
1	Số thu phí, lệ phí, thu dịch vụ khác	-
2	Chi từ nguồn thu phí, thu dịch vụ khác được để lại	-
3	Số phí, lệ phí, thu dịch vụ khác nộp NSNN	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.428.041.560
1	Chi quản lý hành chính	-
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 100 – Khoản 105 - Mã nguồn 12)	14.428.041.560
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.428.041.560
+	<i>Mua sắm bản quyền thiết bị tường lửa của các cơ quan trên địa bàn tỉnh</i>	<i>13.500.000.000</i>
+	<i>Xây dựng kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh An Giang</i>	<i>449.000.000</i>
+	<i>Xây dựng khung kiến trúc dữ liệu tỉnh An Giang</i>	<i>479.041.560</i>

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG
CHƯƠNG: 417

Mẫu biểu số 48

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn Vị: Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ

Mã QHNS: 1039743

Mã KBNN nơi giao dịch: 0811

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Văn phòng Ban
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu dịch vụ khác	-	-
1	Số thu phí, lệ phí, thu dịch vụ khác	-	-
2	Chi từ nguồn thu phí, thu dịch vụ khác được để lại	-	-
3	Số phí, lệ phí, thu dịch vụ khác nộp NSNN	-	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.428.041.560	14.428.041.560
1	Chi quản lý hành chính	-	-
2	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 100 – Khoản 105 - Mã nguồn 12)	14.428.041.560	14.428.041.560
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.428.041.560	14.428.041.560
+	<i>Mua sắm bản quyền thiết bị tường lửa của các cơ quan trên địa bàn tỉnh</i>	13.500.000.000	13.500.000.000
+	<i>Xây dựng kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh An Giang</i>	449.000.000	449.000.000
+	<i>Xây dựng khung kiến trúc dữ liệu tỉnh An Giang</i>	479.041.560	479.041.560

